

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC – KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5 - 6 TUỔI
NĂM HỌC 2025- 2026

I: MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC	THCD
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a, Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	` Hô hấp: hít vào thở ra</li> <li>` Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ` Lung bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.     ` Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1->9
2	* Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.	2,1
		+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.	7,8

	một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.	5
		+ Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	9
		+BAT liên tục vào vòng.	1
		+BAT xa 40 - 50cm.	3
		+BAT – Nhảy từ trên cao xuống (40 - 50cm)	4
		+BAT tách chân, khép chân qua 7 ô.	5
		+BAT qua vật cản 15 - 20cm.	6
		+ Nhảy lò cò 5m	6
3	* Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ hướng, đích dắc theo hiệu lệnh	3,4,6,7,9
		+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.	8
		+ Chạy chậm khoảng 100-120m.	9
4	* Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	+ Tung bóng lên cao và bắt.	2
		+ Tung, đập bắt bóng tại chỗ.	1, 3
		+ Đi và đập bắt bóng.	8
		+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	4, 5
		+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.	6,7
		+ Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.	7

		+ Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4 m	8
5	* Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m	1
		+ Bò dích dắc qua 7 điểm.	2
		+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.	3
		+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	4
		+ Trèo lên xuống 7 giống thang.	5
6	* Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. Tắt sợi đôi, ba.	1 -> 9
7	* Trẻ phối hợp và có kỹ năng trong cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi bàn tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu luồn dây giày. cài quai dép, kéo khoá phéc-mơ-tuya		
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	* Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2

9	* Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3
10	* Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	5
11	* Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước cho sạch - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1,2,3,4
12	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		
13	* Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.		

14	* Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; Không nhổ bậy ra lớp.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	2, 8
15	* Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn - Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ. - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp	1-9
16	* Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.		

17	* Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		
18	* Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ		
19	* Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		

2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
20	- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	` Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2
		` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3
		` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,3
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	` So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	1,3
		` Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2,3 dấu hiệu	1,3
		` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại 2,3 dấu hiệu.	7
		` Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả	5,6
		` Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	5,6
		` So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	5,6
		` Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.	5,6
		` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	5,6

		` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây	2,5,6
		` Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. (Như mưa đá, nắng, nóng, gió Lào, gió lốc)	8
22	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	5,6
		` Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	8
		` Các nguồn nước trong môi trường sống.	8
23	- Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	8
		` Một số đặc điểm, tính chất của nước.	8
		` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	8
		` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây	8
		` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	7,8
24	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		
25	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		

26	- Trẻ có khả năng giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
27	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		
28	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình		
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	` Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	
30	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Trẻ biết đếm từ one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten bằng tiếng anh	` Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. Đếm từ 1-10 bằng tiếng anh ` Tách một nhóm thành hai nhóm nhỏ bằng cách khác nhau. ` Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..)	1,3,4,6,9
31	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
32	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm		
33	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
34	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		

35	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		
36	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	` Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</li> <li>` So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. ` Tạo ra qui tắc sắp xếp</li> <li>` Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	7,9
37	- Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.		
38	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
39	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	` Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</li> <li>` Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. ` Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,8
40	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	` Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</li> <li>` Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. ` Tạo ra một số hình, hình học bằng các cách khác nhau.	7
41	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	` Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
42	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	` Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</li> <li>` Gọi tên các thứ trong tuần bằng tiếng anh	8

c) Khám phá xã hội			
43	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
44	- Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	` Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
45	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.		
46	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường ` Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
47	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
48	- Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
49	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như nghề nông, xây dựng	4
50	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. như Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng	1,3,4,5,7,9

51	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh di tích lịch sử của quê hương, đất nước	Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, " Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban".	
3. Lĩnh vực Phát triển ngôn ngữ			
52	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	` Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	2
53	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	3,5,6,7
54	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	` Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1,2,4
55	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	` Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. ` Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; " Có gì giống nhau?"; " Có gì khác nhau?"; " Do đâu mà có?" ` Đặt các câu hỏi: " Tại sao?"; " Như thế nào?"; "Làm bằng gì?"	8
56	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...phù hợp với ngữ cảnh.	` Nghe sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	7

57	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	` Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.</li> <li>` Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. ` Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh.	9
58	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	` Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	9
59	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	` Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
60	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	` Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	6
61	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi</li> <li>` Đóng kịch	3,6
62	- Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	` Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</li> <li>` Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	1
63	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		
64	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	` Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:	4,6,7

65	- Trẻ biết cách đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. ` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách ` " Đọc" Truyện qua tranh vẽ ` Giữ gìn, bảo vệ sách.	
66	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	` Kể truyện theo đồ vật theo tranh	4,6
67	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	` Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,4,7, 8
68	- Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	` Nhận dạng các chữ cái. ` Tập tô, tập đồ các nét chữ.	1->9
69	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	
4. Lĩnh vực Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
70	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. Trẻ biết coi trọng bản thân.	` Sở thích, khả năng của bản thân.	2,3
71	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.		
72	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	` Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2

73	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3
74	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		
75	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	` Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	1
76	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. ` Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	8
77	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2
78	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2
79	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	` Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	3
80	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	` Kính yêu Bác Hồ.	9
81	- Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
82	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp của địa phương di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	` Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp lễ hội của quê hương, đất nước như Lễ hội hoa ban, Di sản văn hóa Linh Sơn, Khu du lịch Homestay Mường Then.	9

83	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	` Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.	1,3 ,7
84	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	` Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. ` Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	8,9
85	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		
86	- Trẻ biết chờ đến lượt.	` Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	6,7
87	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	` Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	4, 8
88	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		
89	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	` Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	5,6
90	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). Trẻ nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.	`Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	
91	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	` Giữ gìn vệ sinh môi trường.	4,7
92	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	` Tiết kiệm điện, nước.	4

V: Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
93	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	` Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2
94	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình		
95	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện...	` Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). ` Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
96	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	` Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9
97	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	` Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9
98	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	` Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	4,9
99	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	` Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình	1->9

100	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	dáng/ đường nét và bố cục.	
101	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		
102	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
103	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	` Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9
104	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	9
105	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	9
106	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. ` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1->9
107	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN (TỪ NGÀY... ĐẾN NGÀY...)	STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
8/09- 3/10/ 2025	1	Trường mầm non thân yêu - Tết trung thu	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		
			- Tết trung thu	1 tuần		
6/10- 24/10/2025	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/ 2025	3	Tổ ấm gia đình - Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/ 2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/2025 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		KTHKI 18 tuần ngày 9/1/2026 Bắt đầu HKII ngày 12/1/2026
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		
19/1/2026 - 13/02/2026 (Nghỉ tết NĐ từ 14/02 - 22/2/2026)	6	Cây cối xung quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây	1 tuần		Ngày 23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Một Số loại hoa	1 tuần		
			- Tết và mùa xuân	1 tuần		
			- Một số loại quả	1 tuần		
23/2- 20/3/2026	7		- Một số quy định GT	1 tuần		

		Phương tiện và quy định giao thông - Ngày 8/3	- Ngày 8/3	1 tuần		
			- PTGT đường bộ - đường sắt	1 tuần		
			- PTG T đường thủy - đường hàng không	1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé	2 tuần		
			- Mùa hè kỳ diệu	2 tuần		
20/4- 15/05/2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học	- Em yêu TP Điện Biên	2 tuần		
			- Bác Hồ	1 tuần		
			- Trường tiểu học	1 tuần		

Tổng cộng 35 tuần thực học HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. Thời gian còn lại sau ngày 15/5/2026 tổ chức các hoạt động ôn tập, trải nghiệm, thăm quan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Đào Thắm